

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

---

Hà Nội, Tháng 3 năm 2012

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 16



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Phòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2011 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị:

Ông Phan Tuấn Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên
Ông Phan Văn Chiến	Thành viên
Bà Doãn Thị Mai Hương	Thành viên

#### Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Đức Tài	Giám đốc
--------------------	----------

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Tài

Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2012

01177  
CÔNG  
HÀNH  
M TỌ  
AN TÀI  
ĐỐC  
MAI -





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.  
Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.  
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 2707/2012/BCKT-IFC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Bông Sen**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 07 tháng 03 năm 2012 của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 16 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Khúc Đình Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2012

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1402/KTV





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU 01 - CTQ  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A - TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>	<b>100</b>		<b>88.192.050.030</b>	<b>114.695.940.373</b>
<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>42.674.705.963</b>	<b>42.627.185.648</b>
1. Tiền mặt tại quỹ	111		5.764.080	14.636.200
2. Tiền gửi Ngân hàng	112		2.373.953.156	2.278.962.956
4. Tương đương tiền	114	5.1	40.294.988.727	40.333.586.492
<b>II. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>28.258.655.000</b>	<b>68.185.586.200</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	29.986.860.276	68.648.425.576
- Chứng khoán kinh doanh của công ty	1211		3.547.313.576	3.530.001.376
- Chứng khoán ngắn hạn của người ủy thác đầu tư	1212		26.439.546.700	65.118.424.200
3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	123	5.3	(1.728.205.276)	(462.839.376)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>1.600.154.287</b>	<b>3.786.340.528</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		7.168.856	3.125.025.489
2. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132		193.339.283	324.989.326
4. Phải thu khác	134		1.399.646.148	336.325.713
<b>IV. Tài sản lưu động khác</b>	<b>150</b>		<b>15.658.534.780</b>	<b>96.827.997</b>
2. Tài sản lưu động khác	152		15.570.065.611	53.740.000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	153		88.469.169	43.087.997
<b>B - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>499.414.398</b>	<b>599.575.754</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>		<b>499.414.398</b>	<b>599.575.754</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	211	5.4	487.864.398	568.225.754
- Nguyên giá	212		906.075.679	1.071.220.375
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(418.211.281)	(502.994.621)
3. Tài sản cố định vô hình	217		11.550.000	31.350.000
- Nguyên giá	218		99.000.000	99.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(87.450.000)	(67.650.000)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>88.691.464.428</b>	<b>115.295.516.127</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU 01 - CTQ  
 Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>5.6</b>	<b>61.421.278.020</b>	<b>88.523.833.969</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.024.912.182</b>	<b>2.728.620.828</b>
2. Phải trả người bán	312		-	1.734.747.053
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		483.160.508	255.802.773
5. Chi phí phải trả	315		26.252.000	69.013.400
7. Phải trả, phải nộp khác	317		501.105.380	614.263.308
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		14.394.294	54.794.294
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>60.396.365.838</b>	<b>85.795.213.141</b>
1. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	341		164.849.519	123.740.519
3. Phải trả nhà đầu tư ủy thác	343		60.082.187.675	85.566.151.715
4. Quỹ dự phòng rủi ro bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		149.328.644	105.320.907
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>27.270.186.408</b>	<b>26.771.682.158</b>
<b>I - Nguồn vốn</b>	<b>410</b>	<b>5.7</b>	<b>27.270.186.408</b>	<b>26.771.682.158</b>
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		25.000.000.000	25.000.000.000
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		2.270.186.408	1.771.682.158
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>88.691.464.428</b>	<b>115.295.516.127</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2011	01/01/2011
2. Hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	002	1.353.757.000.000	-
5. Chứng khoán theo mệnh giá (VND)	005	16.066.780.000	24.012.880.000



Nguyễn Đức Tài  
 Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2012

Trần Thị Anh Đào  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU 02 - CTQ  
Đơn vị : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh</b>	<b>01</b>	<b>5.5</b>	<b>7.633.764.388</b>	<b>6.274.719.095</b>
3. Doanh thu thuần	10		7.633.764.388	6.274.719.095
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		3.148.648.360	1.846.524.552
<b>5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>12</b>		<b>4.485.116.028</b>	<b>4.428.194.543</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	5.5	2.924.261.605	2.585.906.653
7. Chi phí tài chính	14		1.282.612.613	492.919.958
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15		2.401.297.168	2.137.657.393
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>16</b>		<b>3.725.467.852</b>	<b>4.383.523.845</b>
10. Thu nhập khác	17		915.811.559	488.247.457
11. Chi phí khác	18		4.556.854	3.282.000
<b>12. Lợi nhuận khác</b>	<b>19</b>		<b>911.254.705</b>	<b>484.965.457</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>20</b>		<b>4.636.722.557</b>	<b>4.868.489.302</b>
14. Thuế TNDN phải nộp	21		1.138.218.307	934.474.439
<b>15. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>22</b>		<b>3.498.504.250</b>	<b>3.934.014.863</b>



Nguyễn Đức Tài  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2012

Trần Thị Anh Đào  
Kế toán trưởng





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU 03 - CTQ

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu từ phí quản lý quỹ	01	4.701.337.069	5.689.789.879
Tiền thu từ phí tư vấn	02	1.533.000.000	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05	1.523.603.167.042	217.136.274.211
Tiền trả cho người cung cấp	06	(2.126.845.027)	(782.626.725)
Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	08	(1.049.734.461)	(1.024.064.079)
Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09	(2.380.296.414)	(2.110.863.038)
Tiền chi mua vật liệu, công cụ dụng cụ	10	(50.127.073)	(26.445.891)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11	(1.543.604.267.107)	(220.264.170.231)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>(19.373.765.971)</b>	<b>(1.382.105.874)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	32	5.000.000	-
Tiền đầu tư chứng khoán	33	(49.190.231.990)	(64.642.879.789)
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34	71.567.180.200	66.759.876.500
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>40</b>	<b>22.381.948.210</b>	<b>2.116.996.711</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền trả cổ tức cho cổ đông	46	(3.000.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>	<b>(3.000.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>60</b>	<b>8.182.239</b>	<b>734.890.837</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>70</b>	<b>42.627.185.648</b>	<b>41.781.572.329</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>80</b>	<b>39.338.076</b>	<b>110.722.482</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>90</b>	<b>42.674.705.963</b>	<b>42.627.185.648</b>



Nguyễn Đức Tài  
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2012

Trần Thị Anh Đào  
 Kế toán trưởng



## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Bông sen theo Giấy phép số 35/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 10 tháng 3 năm 2009. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 1 năm 2012.

Vốn Điều lệ của Công ty là 25.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Phòng 902 tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

### **Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

### **Tổng số nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 11 người. (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 11 người).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý Quỹ : 4 người

Số nhân viên đang xin cấp chứng chỉ hành nghề quản lý Quỹ : 03 người

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### **Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Áp dụng Chuẩn mực**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính.

7712  
NG T  
ĐIỂM H  
TOÁN  
TÀI C  
C T  
11-12



#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **Chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Đối với số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ hoạt động.

##### **Ghi nhận các khoản dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi, bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho từng loại chứng khoán tại thời điểm kết thúc năm tài chính khi giá thị trường cùng thời điểm thấp hơn giá trị đầu tư ghi nhận ban đầu.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán HCM) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Giá trị thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi 03 (ba) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ không được trích lập dự phòng do không đủ căn cứ để đánh giá lại.



**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận là thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2011 (Số năm)
Thiết bị văn phòng	3
Phương tiện vận tải	10

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình tại Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán với nguyên giá là 99.000.000 đồng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

**Kế toán các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của các chứng khoán được xác định là bán ra trong kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch chứng khoán được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Việc bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Phòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính,  
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU 09 - CTQ**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư**

Công ty thực hiện ghi nhận dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo hướng dẫn hạch toán của thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính. Mức trích lập quỹ theo quy định của Ban giám đốc Công ty là 0,01% trên giá trị tài sản ròng của quỹ và tổng giá trị đầu tư của các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư hiện Công ty đang quản lý.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. THÔNG TIN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****5.1 Các khoản tương đương tiền**

Nội dung	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị : VND
				Số cuối năm
1. Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	40.333.586.492	139.007.594.725	139.046.192.490	40.294.988.727
- của Công ty	23.496.595.219	61.232.628.382	70.275.062.425	14.454.161.176
- của người đầu tư ủy thác	16.836.991.273	77.774.966.343	68.771.130.065	25.840.827.551
<b>Cộng</b>	<b>40.333.586.492</b>	<b>139.007.594.725</b>	<b>139.046.192.490</b>	<b>40.294.988.727</b>

**5.2 Tình hình đầu tư chứng khoán**

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mua		Bán		Giá trị tồn cuối kỳ
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
1. Chứng khoán kinh doanh	2.535.220	49.256.796.339	2.915.570	68.445.680.200	29.986.860.276
- Cổ phiếu của Công ty	13.848	57.022.200	2.090	66.253.000	3.547.313.576
- Cổ phiếu của người ủy thác đầu tư	2.521.372	49.199.774.139	2.913.480	68.379.427.200	26.439.546.700
<b>Cộng</b>	<b>2.535.220</b>	<b>49.256.796.339</b>	<b>2.915.570</b>	<b>68.445.680.200</b>	<b>29.986.860.276</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Phòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính,  
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU 09 - CTQ**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5.3 Tình hình trích lập và hoàn nhập giảm giá đầu tư chứng khoán**

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Số lập dự phòng năm nay			Số hoàn nhập năm nay	Số dư cuối năm
		Số lượng	Trị giá chứng khoán	Số lập dự phòng kỳ này		
<b>1. Chứng khoán kinh doanh</b>	462.839.376	103.548	2.207.654.076	1.265.365.900	-	1.728.205.276
- Cổ phiếu	462.839.376	103.548	2.207.654.076	1.265.365.900	-	1.728.205.276
<b>Cộng</b>	<b>462.839.376</b>	<b>103.548</b>	<b>2.207.654.076</b>	<b>1.265.365.900</b>	<b>-</b>	<b>1.728.205.276</b>

**5.4 Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2011	132.335.496	657.794.711	281.090.168	1.071.220.375
Giảm trong năm	132.335.496	-	32.809.200	165.144.696
Tại 31/12/2011	-	657.794.711	248.280.968	906.075.679
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại 01/01/2011	132.335.496	104.150.837	266.508.288	502.994.621
Tăng trong năm	-	65.779.476	10.025.026	75.804.502
Giảm trong năm	132.335.496	-	28.252.346	160.587.842
Tại 31/12/2011	-	169.930.313	248.280.968	418.211.281
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2011	-	553.643.874	14.581.880	568.225.754
Tại 31/12/2011	-	487.864.398	-	487.864.398

**5.5 Doanh thu**

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu từ phí quản lý	4.696.400.756	5.814.841.859
Doanh thu từ phí tư vấn	1.533.000.000	-
Doanh thu từ hoạt động khác	1.404.363.632	459.877.236
<b>Doanh thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>7.633.764.388</b>	<b>6.274.719.095</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	2.924.261.605	2.585.906.653



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**Phòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính,  
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MAU 09 - CTQ**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5.6 Tình hình nợ phải trả**

CHỈ TIÊU	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Tăng	Giảm	
		Đơn vị : VND		
<b>I - Nợ ngắn hạn</b>	<b>2.728.620.828</b>	<b>1.409.673.087.493</b>	<b>1.411.376.796.139</b>	<b>1.024.912.182</b>
2. Phải trả cho người bán	1.734.747.053	50.291.870.937	52.026.617.990	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	255.802.773	1.707.500.793	1.480.143.058	483.160.508
4. Phải trả nhân viên	-	2.579.734.457	2.579.734.457	-
5. Chi phí phải trả	69.013.400	315.967.267	358.728.667	26.252.000
7. Phải trả, phải nộp khác	614.263.308	1.354.778.014.039	1.354.891.171.967	501.105.380
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	54.794.294	-	40.400.000	14.394.294
<b>II - Nợ dài hạn khác</b>	<b>85.795.213.141</b>	<b>298.204.686.643</b>	<b>323.603.533.946</b>	<b>60.396.365.838</b>
1. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	123.740.519	41.109.000	-	164.849.519
3. Phải trả người uỷ thác đầu tư	85.566.151.715	298.119.569.906	323.603.533.946	60.082.187.675
4. Quỹ dự phòng rủi ro bồi thường thiệt hại cho nhà Đầu tư	105.320.907	44.007.737	-	149.328.644
<b>Cộng</b>	<b>88.523.833.969</b>	<b>1.707.877.774.136</b>	<b>1.734.980.330.085</b>	<b>61.421.278.020</b>

**5.7 Nguồn vốn chủ sở hữu****a. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị : VND
				Số cuối năm
<b>I- Nguồn vốn</b>	<b>26.771.682.158</b>	<b>3.498.504.250</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>27.270.186.408</b>
1. Vốn kinh doanh	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
8. Lợi nhuận chưa phân phối	1.771.682.158	3.498.504.250	3.000.000.000	2.270.186.408
<b>II- Quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>26.771.682.158</b>	<b>3.498.504.250</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>27.270.186.408</b>

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Tên cổ đông	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phan Tuấn Sơn	3.500.000.000	3.500.000.000
Nguyễn Đức Tài	3.000.000.000	3.000.000.000
Phạm Văn Chiến	10.250.000.000	10.250.000.000
Doãn Thị Mai Hương	5.500.000.000	5.500.000.000
Công ty TNHH xúc tiến đầu tư và thương mại Quốc tế	500.000.000	500.000.000
Trần Anh Tuấn	1.750.000.000	1.750.000.000
Công ty TNHH chứng khoán IWAJ	500.000.000	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Phòng 902, tòa nhà 17T6, phường Nhân Chính,  
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU 09 - CTQ**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5.7 Nguồn vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****c. Cổ phiếu**

	<u>31/12/2011</u> <u>cổ phần</u>	<u>01/01/2011</u> <u>cổ phần</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

**5.8 Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước**

Chỉ tiêu	Đơn vị : VND			
	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
<b>I. Thuế</b>	<b>255.802.773</b>	<b>1.605.370.653</b>	<b>1.378.012.918</b>	<b>483.160.508</b>
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp	218.797.301	1.138.218.307	1.041.526.130	315.489.478
6. Các loại thuế khác	37.005.472	467.152.346	336.486.788	167.671.030
<b>II. Các khoản phải nộp khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>255.802.773</b>	<b>1.605.370.653</b>	<b>1.378.012.918</b>	<b>483.160.508</b>



## 6. THÔNG TIN KHÁC

### 6.1 Giải thích và thuyết minh một số tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh:

#### a. Hoạt động quản lý quỹ

- Tổng số Quỹ đang thực hiện quản lý: 1
- Tổng số vốn của các Quỹ đang thực hiện quản lý: 998.019.779 Yên Nhật
- Số lượng Quỹ lập trong năm: 0
- Phí quản lý quỹ thu được trong năm: 3.006.771.552 đồng.

#### b. Hoạt động quản lý danh mục đầu tư

- Tổng số hợp đồng đang thực hiện quản lý: 23
- Tổng giá trị của các hợp đồng đang thực hiện quản lý: 71.516.434.546 đồng
- Số lượng hợp đồng mới trong năm: 9 ( trong năm 2011 có 8 hợp đồng được gia hạn)
- Phí thu được trong năm: 3.093.992.836 đồng

Trong đó:

- + Phí quản lý danh mục: 1.689.629.204 đồng
- + Phí thưởng: 1.404.363.632 đồng

#### c. Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán

- Tổng số hợp đồng đã ký còn hiệu lực thực hiện : 0
- Số hợp đồng ký trong năm : 2
- Nội dung tư vấn : Tư vấn đầu tư chứng khoán cho đối tượng trong nước
- Phí thu được trong năm 1.533.000.000 đồng

Tổng phí thu được trong năm của Công ty quản lý quỹ từ các hoạt động quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và hoạt động tư vấn: 7.633.764.388 đồng.

#### d. Hoạt động mua bán chứng khoán

Doanh thu thu được từ hoạt động mua bán chứng khoán trong năm 2011: 110.392.330 đồng.

#### e. Hoạt động khác

- Doanh thu thu được từ hoạt động gửi tiền trong năm 2011: 2.750.423.084 đồng
- Doanh thu hoạt động khác nhận được trong năm 2011: 915.811.559 đồng.

3-C  
Y  
HÀ  
VÀ  
HÌNH  
HÀ



**6.2 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp.**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản:</b>		
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản (%)	0,56%	0,52%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	99,44%	99,48%
<b>2. Tỷ suất sinh lợi:</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	45,83%	62,70%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	12,83%	14,69%
<b>3. Tình hình tài chính:</b>		
- Tỷ lệ nợ phải trả / Tổng tài sản (%)	69,25%	76,78%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (%)	6.920,92%	4.061,13%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	1,83%	2,24%

**6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**6.4 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán.



Nguyễn Đức Tài  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2012

Trần Thị Anh Đào  
Kế toán trưởng

